

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 154/YDBMT đề ngày 07/7/2025 của cơ sở “Bệnh viện Đại học y dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh” và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở nộp ngày 01/8/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 90/TTr-SNNMT ngày 12/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, địa chỉ tại 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên cơ sở: “Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột, quy mô 200 giường bệnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy phép số 318/BYT-GPHĐ ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

1.4. Mã số thuế: 6001444432 – 001.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 21.300 m².

- Công suất: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho

phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy phép này thay thế Giấy phép môi trường số 29/GPMT-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Tân An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- UBND phường Tân An;
- Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
(Đ/c: 298 Hà Huy Tập, P. Tân An);
- Lưu: VT, NNMT (Nh)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, nhà tắm, căng tin ...
- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ quá trình khử trùng thiết bị y tế, xét nghiệm y khoa.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các quá trình còn lại (giặt ủi, rửa dụng cụ y tế...).
- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ máy hấp tiệt trùng chất thải y tế lây nhiễm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk (hồ thu nước mưa GT8).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°) X= 0453433, Y = 1405695.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $270 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $11,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm, tự chảy.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (sau bồn lọc áp lực) theo ống PVC D60mm (chiều dài 32 m) dẫn vào hố ga thu nước mưa → Hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện (cống bê tông cốt thép D600mm, dài 20m) → Hố ga thu nước mưa → theo cao độ tự chảy vào ống cống bê tông cốt thép D800mm đặt ngầm chạy dọc hàng rào của Trường Cao đẳng Bách Khoa Tây Nguyên (dài khoảng 190m) → Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực (hồ thu nước mưa GT8 nằm trên vỉa hè trước Trường Đại học Luật Hà Nội - Phân hiệu Đắk Lắk), phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, hệ số k = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigelle	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải y tế trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

- Vị trí quan trắc chất lượng nước thải định kỳ (theo đề xuất của Chủ cơ sở): 01 điểm nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải (sau bồn lọc áp lực) trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom theo các đường ống (PVC D60mm, PVC D114mm, PVC D168mm) về bể tự hoại 3 ngăn,

qua hố thu (cạnh bể tự hoại) theo đường ống (PVC D168mm, PVC D200mm) về bể thu gom 1 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt khác (rửa tay, nhà tắm, căng tin ...) được dẫn qua lọc rác, theo các đường ống (PVC D49mm, PVC D60mm, PVC D90mm, PVC D114mm) dẫn về hố thu (cạnh bể tự hoại), sau đó dẫn theo đường ống (PVC D168mm, PVC D200mm) về bể thu gom 1 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế từ quá trình khử trùng thiết bị, xét nghiệm y khoa được dẫn qua lọc rác, theo các đường ống dẫn (PPR D114mm, PPR D168mm, PPD90mm) về bể thu gom 2 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế từ các quá trình còn lại (vệ sinh dụng cụ y tế, giặt ủi ...) được dẫn qua lọc rác, theo các đường ống dẫn (PVC D49mm, PVC D60mm, PVC D90mm, PVC D114mm) về bể thu gom 2 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế từ lò hấp tiệt trùng chất thải y tế lây nhiễm được thu gom bằng đường ống PPR D60mm dẫn về bể thu gom 2 của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Số lượng: 04 bể, dung tích 32 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.2.2. Hố thu:

- Số lượng: 04 hố thu, dung tích 0,64 m³/hố.

- Thu gom nước thải sau bể tự hoại.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế: 270 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt → bể thu gom 1 (có song chắn rác thô, tinh); nước thải y tế → bể thu gom 2 → bể chứa → bể phản ứng peroxone → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học MBBR → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng → Bể trung gian kết hợp khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hố ga thu nước mưa (Nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, k = 1,2) → Hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện → Hệ thống thoát nước mưa chung trên tuyến đường vào Trường Đại học Luật Hà Nội (Phân hiệu Đắc Lắc).

- Bệnh viện đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂O₂, O₃, men vi sinh, mật rỉ, chlorine.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải hiện đang được lưu chứa tại bể chứa bùn. Khi bể đầy, Chủ cơ sở sẽ thực hiện xác định ngưỡng nguy hại của bùn thải để có biện pháp quản lý phù hợp theo quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: sự cố tại cụm xử lý sinh học, sự cố thiết bị; sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng bể sự cố bên cạnh hệ thống xử lý nước thải (Dung tích thiết kế 424,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép, quét chống thấm). Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau bồn lọc áp lực được bơm về bể sự cố để lưu chứa tạm thời; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong bể sự cố sẽ được bơm ngược trở về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí 01 nhân viên chuyên trách vận hành, theo dõi hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã thực hiện vận hành thử nghiệm theo Công văn số 3847/STNMT-MT ngày 06/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm tại Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột. Đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 70/GP-UBND ngày 05/7/2021.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động. Thực hiện đấu nối về hệ thống thu gom, thoát nước thải của khu vực sau khi có hệ thống thu gom nước thải của khu vực.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn phải đáp ứng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm			
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn	1.200
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	Rắn	25.000
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	Rắn	2.000
1.4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	Rắn	10.000
2	Chất thải nguy hại khác			
2.1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	12
2.2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	15
2.3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Rắn/lỏng	01
2.4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 04	Rắn	05
2.5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/Lỏng	500
2.6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
2.7	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	Rắn	05
2.8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/lỏng	30
2.9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	16 01 13	Rắn	02
Tổng cộng				38.780

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải thải thông thường có khả năng tái chế	15.000
2	Chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế	140.000
Tổng cộng		155.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải lây nhiễm: hộp kháng thùng màu vàng; túi nhựa màu vàng, thùng nhựa có nắp đậy màu vàng loại 20 lít, 240 lít; tủ đông dung tích 120 lít
- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: túi nhựa màu đen, thùng nhựa màu đen có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít; thùng nhựa HDPE loại 20 lít, 60 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải y tế nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa tạm thời chất thải có diện tích 162,12 m² chia làm các ngăn chứa riêng biệt, trong đó, bố trí 03 ngăn để lưu chứa chất thải y tế nguy hại, cụ thể:

+ 01 ngăn lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm diện tích 16,45 m².

+ 01 ngăn đặt thiết bị xử lý chất thải y tế lây nhiễm, diện tích: 32,525 m².

+ 01 ngăn lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích 16,825 m².

- Kết cấu nhà lưu chứa chất thải: Tường kín bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên CTNH. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa màu trắng có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít; thùng nhựa màu xanh có nắp đậy loại 20 lít, 240 lít, 660 lít; bao bì mềm.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Xây dựng khu vực lưu chứa tạm thời chất thải có diện tích 162,12 m², trong đó:
 - + Bố trí 01 khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế, diện tích 79,87 m². Kết cấu: mái che bằng tôn, vi kèo thép, xung quanh che tôn, có bảng ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực bố trí thiết bị lưu chứa chất thải.

+ 01 ngăn lưu chứa chất thải rắn thông thường sử dụng tái chế, diện tích 16,45 m². Kết cấu: Tường kín bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn, có biển báo ghi rõ loại chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải (bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm)

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm

3.1.1. Loại chất thải tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.

3.1.2. Khối lượng chất thải tự xử lý:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	Rắn	1.200
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	Rắn	25.000
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	Rắn	2.000
Tổng cộng				28.200

3.1.3. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

- Thiết bị hấp tiệt trùng chất thải lây nhiễm hiệu matachana, model 1010ER-1, xuất xứ Tây Ban Nha, công suất 80 - 135 kg/mẻ, tần suất 4 mẻ/ngày.

- Máy nghiền 02 trục Green Mech, công suất 300 kg/giờ, xuất xứ Việt Nam. Dùng để nghiền rác thải sau khi hấp khử khuẩn, tần suất 01 lần/ngày.

- Cơ sở bố trí khu vực đặt thiết bị ở khu vực khu tách biệt với khu điều trị, khám chữa bệnh. Khu vực đặt thiết bị có diện tích 32,525 m², kết cấu nền xi măng, tường gạch bao quanh, có mái che, cửa ra vào.

- Quy trình xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm (chất thải được bỏ vào túi hấp chịu nhiệt, xếp vào lồng hấp) → nạp vào khoang xử lý → xung chân không phân đoạn → gia nhiệt → khử trùng chất thải → sấy khô chất thải → chất thải sau xử lý được chuyển sang máy cắt → cắt nhỏ chất thải → thu gom, lưu chứa và xử lý cùng với chất thải rắn thông thường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của thiết bị được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Khí thải có chứa mầm bệnh lây nhiễm được xử lý một phần qua quá trình gia nhiệt, sau đó khí thải được tiếp tục xử lý qua bộ lọc HEPA trước khi thoát ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải y tế

- Vận hành thường xuyên công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về giám sát, quan trắc môi trường.

- Công trình, thiết bị hệ thống phải được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với thiết bị nghiền hấp tiệt trùng chất thải lây nhiễm theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm (*Lưu ý: Từ ngày 01/01/2029, thực hiện theo quy định tại QCVN 55:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khử khuẩn nhiệt chất thải y tế lây nhiễm, được ban hành kèm theo Thông tư số 42/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khử khuẩn nhiệt chất thải y tế lây nhiễm*).

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm: Trường hợp thiết bị gặp sự cố không thể khắc phục ngay (từ 2 ngày trở lên) thì Bệnh viện sẽ thực hiện việc ký hợp đồng chuyển giao chất thải lây nhiễm cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định trong thời gian khắc phục sự cố. Không lưu chứa chất thải lây nhiễm quá 48h tại Bệnh viện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.